

Số: **1634**/QĐ-UBND

Hạ Long, ngày **26** tháng 5 năm 2009

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2009-2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 09/2/2006 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bình Liêu đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các xã miền núi biên giới huyện Bình Liêu đến năm 2010";

Căn cứ Quyết định số 4053/QĐ-UB ngày 10/11/2003 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đai huyện Bình Liêu thời kỳ 2003-2010";

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 217/SXD-QH ngày 12/5/2009 và Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Liêu đã được Sở Xây dựng thẩm định, trình.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2009-2025 và tầm nhìn ngoài năm 2025 với các nội dung chính như sau:

1. Sự cần thiết lập quy hoạch:

- Bình Liêu là huyện miền núi, dân tộc, vùng cao biên giới nằm ở Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh. Huyện có tuyến biên giới dài 48,6 km tiếp giáp với huyện Phòng Thành (Quảng Tây - Trung Quốc) từ cột mốc 23 (giáp huyện Hải Hà, Quảng Ninh) đến cột mốc 67 (giáp huyện Đình Lập, Lạng Sơn); có 1 thị trấn và 7 xã trong đó có cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn là cầu nối giao lưu về kinh tế - thương mại giữa các địa phương với tỉnh Quảng Tây Trung Quốc.

Với đặc điểm và vị trí lợi thế trên việc nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Liêu từng bước tạo động lực để huyện Bình Liêu phát triển kinh tế xã hội kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái rừng gắn với bảo vệ an sinh quốc phòng trên tuyến biên giới; từng bước cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch kế hoạch sử dụng đất của huyện; làm cơ sở cho việc quản lý, thu hút đầu tư xây dựng, triển khai xây dựng huyện Bình Liêu văn minh giàu đẹp đảm bảo đời sống của đồng bào các dân tộc ngày càng được cải thiện, nâng cao giữ vững an ninh quốc phòng trên tuyến biên giới. Do vậy việc lập Quy hoạch chung xây dựng huyện Bình Liêu là cần thiết.

- Mục tiêu và yêu cầu phát triển đối với khu vực quy hoạch:

+ Nhằm cụ thể hoá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020;

+ Phân đầu hoàn thành mục tiêu quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Bình Liêu đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các xã miền núi biên giới đến 2010 theo quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 9/2/2006 của UBND tỉnh;

+ Đưa ra những vấn đề cần thiết về tổ chức phát triển không gian đô thị trong giai đoạn 2009 - 2025 và tầm nhìn ngoài 2025;

+ Đề xuất các giải pháp tổ chức định hướng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị với mục tiêu nâng cấp huyện Bình Liêu trở thành đô thị loại IV vào năm 2020;

+ Tạo cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn huyện và lập các đồ án quy hoạch chi tiết để đầu tư xây dựng;

2. Căn cứ lập quy hoạch:

a. Cơ sở pháp lý:

- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11;

- Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về Quy hoạch xây dựng;

- Quy chuẩn xây dựng Việt nam QCVN 01:2008/BXD; và các quy định chuyên ngành liên quan;

- Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng "Ban hành qui định về nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án qui hoạch xây dựng";

- Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/04/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

- Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD ngày 17/11/2008 của Bộ xây dựng "Ban hành định mức chi phí quy hoạch xây dựng";

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng;

- Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 09/2/2006 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội

huyện Bình Liêu đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các xã miền núi biên giới huyện Bình Liêu đến năm 2010";

- Quyết định số 4053/QĐ-UB ngày 10/11/2003 của UBND tỉnh "V/v phê duyệt quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đai huyện Bình Liêu thời kỳ 2003-2010";

- Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 của UBND Tỉnh Quảng Ninh "Về kế hoạch vốn đầu tư năm 2009; lập quy hoạch chung xây dựng 3 huyện: Bình Liêu, Ba Chẽ, Cô Tô";

b. Các nguồn tài liệu, số liệu, cơ sở bản đồ:

- Các văn bản chủ trương của Đảng và Nhà nước có liên quan;

- Bản đồ khảo sát hiện trạng hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45'tỷ lệ 1/2000;

- Bản đồ khảo sát hiện trạng tỷ lệ 1/2000; 1/5000; Các dự án có liên quan trên địa bàn huyện;

- Các cơ sở tài liệu, số liệu liên quan khác;

3. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu quy hoạch:

a. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu:

- Ranh giới và phạm vi nghiên cứu Quy hoạch nằm trong ranh giới hành chính của huyện Bình Liêu, cụ thể như sau:

+ Phía Đông giáp huyện Hải Hà;

+ Phía Tây giáp huyện Đầm Hà;

+ Phía Nam giáp huyện Tiên Yên;

+ Phía Bắc giáp đường biên giới Trung Quốc;

b. Tính chất:

- Quy hoạch và đầu tư xây dựng thị trấn Bình Liêu đến năm 2020 thành đô thị loại IV; là trung tâm kinh tế, giáo dục, văn hoá, xã hội, điểm hội tụ của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện Bình Liêu;

- Là cầu nối giao lưu thương mại giữa Việt Nam với Trung Quốc qua cửa khẩu Hoành Mô và Đồng Văn;

- Quy hoạch trung tâm các xã biên giới kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường sinh thái rừng với bảo vệ an ninh quốc phòng trên tuyến biên giới. Đẩy mạnh khai thác các tiểu vùng, các xã biên giới với các xã lân cận thị trấn;

- Có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng;

c. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn huyện: 27.613 người;

- Dự báo dân số đến năm 2015: 32.591 người;

- Dự báo dân số đến năm 2025: 38.820 người;

d. Dự báo quy mô sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Tiêu chuẩn
I	Đất dân dụng	60-79 m <sup>2</sup> /người
1	Đất ở	<50 m <sup>2</sup> /người
2	Đất công trình công cộng	4-5 m <sup>2</sup> /người
3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	8-10 m <sup>2</sup> /người
4	Đất giao thông	10-14 m <sup>2</sup> /người
II	Hạ tầng kỹ thuật	
1	Cấp nước	120 l/ng.ngđ
2	Thoát nước bản	120 l/ng.ngđ
3	Cấp điện	1,0 Kg
4	Rác thải	3,3-5Kv

e. Yêu cầu nội dung đồ án:

Nghiên cứu để đạt được nội dung đồ án theo quy định tại Điều 16 - Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

- Phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, sử dụng đất đai, hiện trạng xây dựng, cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị;

- Xác định tiềm năng, động lực hình thành và phát triển đô thị, tính chất, quy mô dân số, lao động và quy mô đất đai xây dựng đô thị và các chỉ tiêu chủ yếu cho các giai đoạn phát triển;

- Quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện Bình Liêu gồm:

+ Đô thị hiện có cải tạo và mở rộng: thị trấn Bình Liêu đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV là trung tâm kinh tế, giáo dục, văn hoá xã hội, điểm hội tụ cho cộng đồng các dân tộc trên địa bàn Bình Liêu. Quy hoạch chia 2 giai đoạn: giai đoạn ngắn hạn đến 2015, giai đoạn dài hạn đến 2025 tầm nhìn ngoài 2025;

+ Đô thị khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô, Đồng Văn đạt tiêu chuẩn đô thị loại V, là thị trấn cửa khẩu trung tâm chuyên ngành;

+ Quy hoạch và gắn kết các trung tâm xã biên giới hình thành một số cụm, điểm, thương mại dịch vụ khác nhằm tổ chức kinh tế các vùng nông thôn hoàn thành chương trình canh định cư, ổn định sắp xếp lại các điểm dân cư đặc biệt là dọc biên giới Việt - Trung nhằm nâng cao đời sống dân cư với nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ quốc gia;

f. Định hướng phát triển không gian đô thị gồm nội thị và ngoại thị:

- Dự kiến hướng phát triển không gian đô thị và sử dụng đất cho từng giai đoạn:

+ Phân tích các phương án chọn đất và cơ cấu tổ chức không gian. Trên cơ sở đánh giá quỹ đất toàn đô thị, định hướng quy hoạch chung giai đoạn ngắn hạn đến 2015 và giai đoạn dài hạn đến 2025;

+ Xác định các khu vực dự kiến phát triển dài hạn ngoài năm 2025;

- + Khu vực cũ chọn đất có khả năng xây dựng từng bước cải tạo chỉnh trang bộ mặt đô thị và khu vực mới phát triển;
- + Dự kiến sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch;
- Xác định hệ thống trung tâm: vị trí, quy mô các khu chức năng trong đô thị, các khu hiện có phát triển ổn định, các khu cần chỉnh trang cải tạo, nâng cấp, các khu cần bảo tồn tôn tạo, các khu cần chuyển đổi chức năng, các khu xây dựng mới, các khu cần xây dựng, các khu dự kiến phát triển đô thị, dự kiến các khu vực xây dựng các công trình ngầm trong đô thị;
- Xác định các chỉ tiêu về diện tích, mật độ dân số, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao tối đa, tối thiểu trong các khu chức năng đô thị;
- Xác định ranh giới các xã, trung tâm xã, điểm dân cư;
- g. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:
- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất đô thị;
- + Đề xuất các giải pháp về chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng;
- + Xác định cốt xây dựng khống chế của từng khu vực, toàn đô thị và các trục giao thông chính của đô thị;
- + Xác định khu vực đào đắp xây dựng;
- + Hệ thống thoát nước mưa (khái toán kinh phí);
- Xác định hệ thống giao thông đối ngoại, giao thông đô thị;
- + Vị trí quy mô các công trình làm mới giao thông, tổ chức giao thông công cộng;
- + Xác định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật (nếu có);
- + Chi tiết các mặt cắt ngang đường đô thị, xác định toạ độ mới thiết kế của các tuyến đường chính đô thị theo tim đường tại các ngã giao nhau; (Khái toán kinh phí);
- Cấp nước:
- + Xác định chỉ tiêu nhu cầu dùng nước cho từng giai đoạn;
- + Đánh giá và lựa chọn nguồn nước (nước mặt, nước ngầm);
- + Các phương án cấp nước, phân vùng cấp nước;
- + Vị trí quy mô các công trình thu, các công trình xử lý nước, công trình điều hoà, tăng áp, công nghệ xử lý;
- + Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước từ cấp 2 trở lên;
- + Biện pháp bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước; (Khái toán kinh phí)
- Cấp điện:
- + Xác định chỉ tiêu, nhu cầu dùng điện cho từng giai đoạn;
- + Xác định nguồn: vị trí, điện áp;
- + Mạng lưới cung cấp và phân phối điện từ trung áp trở lên;
- + Mạng lưới chiếu sáng cho một số trục chính;

(Khái toán kinh phí)

- Thoát nước bản và VSMT:

+ Xác định chỉ tiêu thoát nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang;

+ Dự báo tổng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang cho từng giai đoạn;

+ Lựa chọn và thiết kế mạng lưới thoát nước thải từ cấp 2 trở lên;

+ Các giải pháp thu gom và xử lý chất thải rắn;

+ Vị trí quy mô các cơ sở xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, lò hoả táng, tang lễ;

(Khái toán kinh phí)

h. Khái toán kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật:

4. Quy hoạch xây dựng đợt đầu đến 2015 (tập trung nghiên cứu cho đô thị gồm thị trấn Bình Liêu, khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô và vùng lân cận):

a. Mục tiêu: giải quyết những nhu cầu xây dựng trong giai đoạn 2009 - 2015, điều chỉnh ranh giới nội ngoại thị (đề xuất phương án).

b. Quy hoạch sử dụng đất đai, xác định vị trí xây dựng các công trình trọng điểm: trên cơ sở hiện trạng xác định các khu chức năng theo định hướng quy hoạch, ưu tiên các khu chức năng và các khu ở mới;

- Khu dân dụng: nhà ở (phố cũ, khu đô thị mới, làng đô thị hoá) các khu dịch vụ, cây xanh, thể dục thể thao;

- Khu công nghiệp, TTCN, kho tàng;

- Khu trung tâm chuyên ngành: khu kinh tế cửa khẩu, y tế, cơ sở đào tạo, cơ quan;

- Các khu bảo tồn, du lịch và dịch vụ;

- Khu quân sự;

c. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đợt đầu:

- Thực hiện tiếp các dự án đang triển khai, đề xuất các dự án cần ưu tiên đầu tư về: giao thông, chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp điện, thoát nước bản và vệ sinh môi trường;

d. Cải tạo và xây dựng đô thị:

- Đề xuất nguồn vốn, điều lệ quản lý quy hoạch các dự án ưu tiên đầu tư;

5. Thiết kế đô thị (Điều 30 – Nghị định số 08/2005/NĐ-CP);

- Nghiên cứu các không gian kiến trúc cảnh quan trong đô thị, đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, tuyến phố chính, trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh, mặt nước và các điểm nhấn trong đô thị;

- Nghiên cứu xác định tầng cao tối đa, tối thiểu của công trình xây dựng thuộc các khu chức năng và toàn đô thị;

- Quy định về quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị;

6. Đánh giá tác động môi trường đô thị và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường trong đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị;

7. Hồ sơ sản phẩm:

## a. Nội dung:

- Bản vẽ: (Theo Điều 17, Điều 30 của Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ “về quy hoạch xây dựng”);

TT	Tên bản vẽ Quy hoạch	Tỷ lệ	Quy cách bản vẽ	
			Hồ sơ mẫu báo cáo	Hồ sơ duyệt
1	Sơ đồ vị trí và mối quan hệ vùng	1/25.000	x	x
2	Các bản đồ hiện trạng đánh giá và lựa chọn đất xây dựng	1/5.000	x	x
3	Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị	1/5.000	x	x
4	Các bản đồ QH tổng mặt bằng sử dụng đất theo từng giai đoạn quy hoạch (2015; 2025)	1/5.000	x	x
5	Các bản đồ định hướng Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	1/5.000	x	x
6	Bản đồ chỉ giới đường đỏ các trục đường chính, cột không chế xây dựng	1/5.000	x	x
7	Bản đồ tổng hợp đường ống, đường dây	1/5.000		x
8	Các bản vẽ thiết kế đô thị	1/5.000	x	x

## b. Văn bản:

- Tờ trình phê duyệt;
- Thuyết minh tóm tắt + thuyết minh tổng hợp;
- Bản vẽ thu nhỏ (A3);
- Các văn bản liên quan;

## 8. Nội dung Nhiệm vụ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5000:

## a. Địa điểm, phạm vi ranh giới khảo sát:

- Khu trung tâm thị trấn Bình Liêu: Diện tích khảo sát khoảng 300 ha, trong đó diện tích đo vẽ mới khoảng 200 ha (bao gồm cả trung tâm xã Tình Húc).

- Khu trung tâm thị trấn Hoàn Mô: Diện tích khảo sát địa hình đo vẽ mới khoảng 130 ha (bao gồm cả trung tâm xã).

- Trung tâm xã: Húc Động, Vô Ngại, Lục Hòn, Đồng Tâm, Đồng Văn: Diện tích khảo sát địa hình đo vẽ mới mỗi xã khoảng 20 ha.

## b. Các yêu cầu chung:

- Quy định chung: việc biểu thị bản đồ cần tuân thủ theo tiêu chuẩn ngành qui phạm 96 TCN 31-91 “ Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000; 1:10.000; 1: 25.000” do Cục bản đồ nhà nước ban hành;

- Yêu cầu kỹ thuật: Bản đồ phải được lập theo hệ cao toạ độ, nhà nước để tiện cho việc theo dõi, đấu nối và kiểm tra. Phải được thành lập theo hệ toạ độ, cao độ nhà nước VN 2000 kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ ;

- Quá trình thực hiện công tác lập bản đồ hiện trạng cần phải tuân thủ tiêu chuẩn ngành 96 TCN 43-90 (phần ngoài trời), 96TCN 42 - 90 (phần trong nhà).

c. Yêu cầu kỹ thuật:

- Bản đồ phải được lập theo hệ cao toạ độ nhà nước VN 2000 kinh tuyến  $107^{\circ}45''$ ;

- Trên bản đồ cần thể hiện đầy đủ các công trình, chiều cao tầng, ranh giới, đường giao thông, địa danh và các ghi chú khác;

- Mốc, lưới khống chế và các qui định khác về kỹ thuật tuân thủ theo qui định chuyên ngành;

d. Khối lượng công việc:

- Số hóa, tính chuyển toạ độ, biên tập, bổ sung bản đồ 200 ha;

- Đo đạc mới bản đồ tỷ lệ 1/5000 diện tích dự kiến khoảng 330 ha;

- Cung cấp thông tin tư liệu cấp toạ độ cơ bản nhà nước: 23 điểm;

- Thành lập lưới bản đồ truyền cấp II : 18 mốc;

- Thành lập lưới bản đồ truyền cấp II : 47 mốc;

- Thủy chuẩn hạng IV: 9km;

- Thủy chuẩn kỹ thuật: 9,4 km;

- Cắm mốc ranh giới tại thực địa tạm tính 300 mốc.

e. Thành phần hồ sơ: Bản đồ được đo vẽ và thể hiện trên phần mềm AutoCAD và ghi nội dung trên đĩa mềm và đĩa CD. Hồ sơ gồm:

- Phương án kỹ thuật 07 bộ;

- Bản đồ in trên giấy trắng 07 bộ;

- Báo cáo kỹ thuật 07 bộ;

- Đĩa CD 07 bộ;

9. Khái toán kinh phí và nguồn vốn:

- Khái toán kinh phí khảo sát, lập quy hoạch: 1.797.853.000đ. Trong đó:

+ Chi phí khảo sát địa hình: 902.625.000đ;

+ Chi phí lập quy hoạch: 895.228.000đ;

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2009 đã bố trí tại Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh;

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện :

- Chủ đầu tư: Sở Xây dựng;

- Đơn vị tư vấn: Trung tâm quy hoạch Đô thị và Nông thôn;



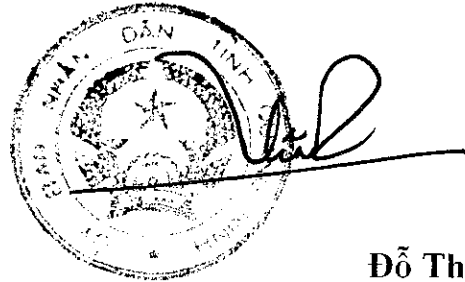
- Cơ quan thỏa thuận: Ủy ban Nhân dân huyện Bình Liêu;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban Nhân dân tỉnh;
- Thời gian lập quy hoạch: không quá 12 tháng, kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được duyệt;
- Trách nhiệm của Chủ đầu tư và Đơn vị tư vấn: Tổ chức nghiên cứu, hoàn thiện Hồ sơ quy hoạch đúng với nhiệm vụ thiết kế quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo các nội dung chủ yếu của đồ án quy hoạch. Trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005. Nghiệm thu khối lượng thực tế và thanh quyết toán theo quy định quản lý đầu tư xây dựng hiện hành;

**Điều 3.** Các Ông (Bà): Chánh văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông - Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bình Liêu; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
  - Như điều 3 (thực hiện);
  - V0, V1, HC1, QH1, QLĐĐ1-2, GT1-2, TH1;
  - Lưu: VT, QH2.
- 30 bản-QĐ17

**TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Thông**